

Số: 01/2021/BB-ĐHĐCĐ

Nghệ An, ngày 24 tháng 04 năm 2021

**BIÊN BẢN
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu
2. Địa chỉ: Lô 32 khu C, KCN Nam Cẩm, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.
3. Thời gian: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 24 tháng 4 năm 2021.
4. Địa điểm: Hội trường Công ty Khoáng sản Á Châu

I- Thành phần tham dự:

- Chủ tọa Đại hội: ông Lê Đình Hùng - Giám đốc (Được sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty)
- Thư ký Đại hội: ông Lê Xuân Chiêu - Thư ký HĐQT
- Các cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu

II- Chương trình Đại hội:

1. Tuyên bố lý do khai mạc, giới thiệu đại biểu, mời chủ tọa, thư ký lên làm việc.

2. Thẩm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021:

Ban tổ chức báo cáo kết quả xác nhận tư cách cổ đông, tư cách hợp lệ của cổ đông đại diện tham dự đại hội:

- Tổng số cổ đông: 139 cổ đông nắm giữ 2.850.000 cổ phần
- + Cổ đông là pháp nhân: 06 cổ đông, đại diện 1.209.300 cổ phần
- + Cổ đông là thể nhân: 133 cổ đông, đại diện 1.640.700 cổ phần
- + Số cổ đông có mặt tham dự đại hội: 20 cổ đông,
- + Số cổ đông vắng mặt có ủy quyền: 39 cổ đông,

Đại diện **2.178.800** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **76,4 %** vốn điều lệ.

+ Số cổ đông vắng mặt không tham dự Đại hội và không ủy quyền là: 80 cổ đông, sở hữu 671.200 cổ phần, chiếm **23,6 %** vốn điều lệ.

Như vậy, đại hội cổ đông 2021 có đủ điều kiện tiến hành theo Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu (Có biên bản thẩm tra tư cách cổ đông kèm theo).

Biểu quyết: (Số phiếu biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp)

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 %

3. Thông qua chương trình, quy chế làm việc của đại hội đồng cổ đông, Bầu ban kiểm phiếu.

- Đại hội Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu (Có bản chương trình Kèm theo)

- Đại hội thông qua quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu (Có bản quy chế Kèm theo).

- Đại hội tiến hành bầu tổ kiểm phiếu: 3 người (Ông Quế Minh Hoàng, Ông Lê Xuân Huy, Bà Trần Thị Huyền Trang), Trong đó: ông Quế Minh Hoàng làm Tổ trưởng để kiểm phiếu biểu quyết các nội dung Thông qua tại đại hội.

Biểu quyết: (Số phiếu biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp)

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 %

III- Các Nội dung được báo cáo tại đại hội:

Các nội dung được trình bày tại Đại hội bao gồm:

1. Ông Lê Đình Hùng - Giám đốc Công ty báo cáo quyết toán tài chính năm 2020; Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021; Báo cáo sơ bộ kết quả sản xuất kinh doanh Quý I năm 2021.

2. Ông Lê Đình Hùng – Được sự ủy quyền của Chủ tịch HĐQT báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng năm 2021;

3. Ông Trần Minh Hưng - Trưởng ban kiểm soát báo cáo hoạt động của ban kiểm soát năm 2020, Phương hướng năm 2021; Báo cáo tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021; Sửa đổi bổ sung quy chế hoạt động của ban kiểm soát.

4. Ông Lê Văn Chiến - Được sự phân công của Hội đồng quản trị báo cáo thông qua các tờ trình

- Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2020.
- Trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS 2020 và đề xuất mức thù lao 2021.
- Trình báo cáo sửa đổi bổ sung điều lệ hoạt động công ty ; quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

IV – Đại hội Thảo luận:

Sau khi nghe các báo cáo về các nội dung tại đại hội. Các cổ đông đã tham gia thảo luận một số vấn đề, cụ thể như sau:

*** Các cổ đông tham gia ý kiến:**

1. Cổ đông Trần Việt Tiên

Kết quả năm 2020 công ty đạt được, cổ đông rất phấn khởi đặt trong điều kiện khó khăn, nhất là về thị trường, chi phí kết quả như vậy là quá sự kỳ vọng của cổ đông. Cổ tức trả 20% là một sự phấn đấu của cán bộ nhân viên nhà máy.

Đề nghị tiếp tục thủ tục chuyển tên mỏ Châu Quang, những năm trước đã lường được khó khăn và chưa thực hiện được đề nghị giải quyết dứt điểm.

Công tác đầu tư: đã tăng năng lực được sản xuất trong năm 2020, nên tiếp tục và triển khai sớm dự án đầu mới để nâng cao hiệu quả. Đề nghị cổ đông lớn Coecco sớm cho ý kiến để triển khai.

Các quy chế và điều lệ cơ bản theo luật mới nên cơ bản nhất trí.

2. Cổ đông Lê Xuân Nghĩa

- Qua báo cáo kết quả 2020 và kế hoạch 2021, đánh giá rất cao nỗ lực của HĐQT, ban điều hành và người lao động trong điều kiện đặc biệt khó khăn như năm 2020.

- Về quá trình điều hành: Đề nghị lưu ý đưa đảm bảo môi trường và an toàn lao động vào các nghị quyết chỉ đạo và làm cho tốt.

- Về giải pháp thực hiện: Dự kiến đầu tư thêm dây chuyền mới, đề nghị HĐQT và Ban điều hành làm văn bản chính thức lên Coecco để tránh mất cơ hội đầu tư

- Nên trình bày 2 phương án mua cổ phần sông đà TS và phương án đầu tư mới để Đại hội cổ đông xem xét lựa chọn

- Vấn đề chuyển tên mỏ Châu Quang công ty đã ký hợp đồng và đặt cọc thể hiện đã rất tích cực nhưng còn phụ thuộc cơ quan chức năng nên phải bám để xong sớm.

- Về kế hoạch đầu tư 2021: Đề nghị đơn đốc triển khai luôn không nghiên cứu nữa.

- Về thủ tục pháp lý liên quan: Đề nghị hàng năm rà soát cập lại giấy chứng nhận cổ phần.

- Về các điều lệ, quy chế thông qua tại đại hội: Đề nghị giao cho Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

3. Cổ đông Nguyễn Hồng Viên:

- Đánh giá rất cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ nhân viên AMC trong năm vừa qua. Các chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra, đặc biệt là chính sách đối với người lao động; Năm nay so với năm ngoái doanh thu vượt 10%, giá vốn hàng bán không tăng nhưng lợi nhuận không bằng do chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng.

- Cần quan tâm đến vấn đề quản lý điều hành đặc biệt là vấn đề chi phí

- Cơ bản nhất trí với các báo cáo như đã trình bày
- Về kết quả đầu tư 2020: nói rõ hơn so với kế hoạch đã đạt bao nhiêu %, hiệu quả đầu tư như thế nào?
- Dự kiến đầu tư 2021, nguồn vốn đầu tư từ đâu? lưu ý đến hiệu quả dự án đầu tư.
- Xem xét vấn đề truyền thông để nâng cao tính thanh khoản, tính hấp dẫn của cổ phiếu trên thị trường.
- Đề nghị chấp hành tốt chế độ chính sách nhà nước, quản lý tốt sản xuất.

4. Cổ đông Trương Đắc Châu

- Về tình hình sản xuất kinh doanh: đánh giá cao sự nỗ lực của tập thể công ty trong năm vừa qua.
- Về tình hình tài chính: Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn trong phạm vi an toàn nhưng vẫn ở mức thấp cần lưu ý để cải thiện; Chỉ tiêu Nợ phải thu/ Doanh thu thuần hơi cao đề nghị chú ý, tránh xảy ra nợ khó đòi.
- Về các Điều lệ và quy chế điều 13: Xem xét điều 13 điều lệ có cần thiết đưa vào không? Trường hợp vi phạm ban kiểm soát trong quy chế ban kiểm soát: ghi ngắn gọn theo quy chế tài chính và điều lệ công ty, Điều 11. mục 13 mục 15 quy chế hoạt động ban kiểm soát nên gộp lại làm một.

Một số vấn đề khác cần xem xét rà soát lại và viết lại cho ngắn lại

- Về Thù lao HĐQT, Bbks như trình bày là tương đối phù hợp

5. Đồng chí Nguyễn Việt Yên – Phó Tổng giám đốc Coecco

- Trong năm qua dịch bệnh, công ty gặp nhiều khó khăn nhưng các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch, thể hiện sự nỗ lực lớn của HĐQT và ban điều hành và toàn thể người lao động.

- Các chế độ về trách nhiệm xã hội công ty thực hiện rất tốt như ủng hộ đồng bào bão lụt Miền trung, các gia đình liệt sỹ tại Đoàn 337 và Rào trắng, ủng hộ các trung tâm cách ly covid 19...

- Về phương hướng 2021: Về dự án đầu tư cần lập, phân tích hiệu quả và so sánh các phương án để lựa chọn và công ty cần có văn bản chính thức với tổng công ty, với tư cách phó tổng công ty sẽ báo cáo lại lãnh đạo Tổng công ty quyết định.

6. Cổ đông Lê Anh Tuấn

Đề nghị quyết tâm triển khai đầu tư để tận dụng quỹ đất, lao động, thương hiệu, thị trường. Làm đề án rõ ràng để phân tích hiệu quả đầu tư. So sánh đầu tư với mua cổ phần công ty cổ phần sông Đà Trường Sơn cái nào hiệu quả hơn.

Nên đưa quy hoạch môi trường để thuận lợi trong vấn đề xuất khẩu

7. Cổ đông Bùi Đình Chủ

Đánh giá sự nỗ lực của ban lãnh đạo, người lao động công ty trong năm vừa qua.

Về in ấn giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu, chỉ thực hiện đối với cổ phiếu chưa lưu ký, những cổ phiếu đã lưu ký thì không cần thiết vì AMC là công ty niêm yết.

Đối với điều 13 tại điều lệ ghi theo Luật, quy định như vậy là phù hợp Cổ đông chỉ được bán không được rút vốn.

*** Giải trình của ban điều hành và HĐQT, Ban kiểm soát**

Đồng chí Lê Đình Hùng

- Về cải thiện thêm môi trường làm việc rất mong muốn, trong năm 2020 công ty đã triển khai nhiều biện pháp để khắc phục như đầu tư thêm dây chuyền sản xuất, lắp mái tại phân xưởng 2.

- Vấn đề đầu tư, bản thân là đại diện vốn của Coeeco nên phải xin ý kiến và theo chỉ đạo trước khi thực hiện.

- Vấn đề đầu tư mua cổ phần Công ty cổ phần Sông Đà Trường Sơn là không khả thi nên sẽ chú trọng đầu tư dự án mới tại AMC; vì công nghệ thay đổi liên tục nên luôn phải nghiên cứu để lập dự án cho phù hợp với từng thời điểm cụ thể.

- Về nợ phải thu: Nhiều doanh nghiệp cho nợ 3 tháng nên công ty phải thực hiện theo để đảm bảo tính cạnh tranh. Nhưng công ty chỉ thực hiện đối với một số các khách hàng truyền thống, công ty không bán hàng bằng mọi giá.

- Tỷ suất lợi nhuận càng ngày càng giảm do: chi phí tăng nhưng giá bán không tăng được, việc đàm phán tăng giá rất khó khăn.

- Về vấn đề chi phí: Trong năm vừa qua, công ty đã thực hiện việc tiết giảm chi phí quyết liệt, các yếu tố có thể giảm được hầu như công ty đã thực hiện.

- Trong quý I, kết quả tương đối khả quan, các chỉ tiêu đều tăng so với cùng kỳ. Tuy nhiên, nhìn chung năm 2021 sẽ có nhiều khó khăn hơn năm 2020 vì các chính sách hỗ trợ của nhà nước trong thời kỳ dịch đã hết, nhiều đơn vị chỉ sản xuất cầm cự để qua giai đoạn khó khăn; Ban điều hành sẽ quyết tâm làm việc hết sức trách nhiệm để có kết quả cao nhất trong năm 2021.

Đồng chí Quế Minh Hoàng:

Về dự án đầu tư được duyệt là 5,4 tỷ đồng, quyết toán đưa vào sổ sách 4,45 tỷ đồng giảm 494 triệu đồng. Dự án khi vào đưa chạy thử tính khấu hao từ tháng 8/2020 và cho hiệu quả cao.

Vốn đầu tư cho dự án mới: Dùng vốn tự có và vốn vay. Đối với vốn vay, công ty đã làm việc với các ngân hàng và được đảm bảo các khoản vay.

859
NG
PH
ÁNG
CH
LỘC

V- Nội dung biểu quyết Thông qua:

Sau khi nghe các báo cáo về nội dung của Đại hội và phân thảo luận của các cổ đông. Đại hội đồng cổ đông năm 2021 Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu tiến hành Thông qua các nội dung bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết:

Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung .

Tổ kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu cho các cổ đông nghe tại đại hội, các cổ đông đồng ý với kết quả Biên bản kiểm phiếu (có biên bản kiểm phiếu kèm theo).

Kết quả cụ thể sau khi kiểm phiếu như sau:

1. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2020:

I/ Bảng Cân đối kế toán

Đơn vị tính:
VND

TT	DIỄN GIẢI	01/01/2020	31/12/2020
I	Tài sản ngắn hạn	43.263.002.055	46.451.356.391
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.377.608.037	9.982.661.776
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	24.908.585.608	22.487.736.989
4	Hàng tồn kho	12.602.795.880	12.359.786.557
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.374.012.530	1.621.171.069
II	Tài sản dài hạn	49.234.658.574	49.281.246.736
1	Các khoản phải thu dài hạn	2.144.591.243	2.547.807.489
2	Tài sản cố định	89.391.677.489	87.087.534.849
3	Giá trị hao mòn lũy kế	(50.854.418.580)	(50.018.262.433)
4	Chi phí xây dựng dở dang		
5	Tài sản dài hạn khác	8.552.808.422	9.664.166.831
	Tổng cộng tài sản	92.497.660.629	95.732.603.127
I	Nợ phải trả	43.166.201.350	45.689.741.755
1	Nợ ngắn hạn	40.112.678.111	41.143.468.058
2	Nợ dài hạn	3.053.523.239	4.546.273.697
II	Vốn chủ sở hữu	49.331.459.279	50.042.861.372
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	28.500.000.000	28.500.000.000

2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
4	Cổ phiếu quỹ	-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
7	Các quỹ	11.745.524.699	13.922.865.821
8	Lợi nhuận chưa phân phối	9.085.934.580	7.619.995.551
	Tổng cộng nguồn vốn	92.497.660.629	95.732.603.127

II/ Kết quả hoạt động kinh doanh

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	139.175.749.937	153.539.180.123
2	Các khoản giảm trừ	-	-
3	Doanh thu thuần BH và cung cấp DV	139.175.749.937	153.539.180.123
4	Giá vốn hàng bán	74.792.352.152	82.947.804.515
5	Lợi nhuận bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.383.397.785	70.591.375.608
6	Doanh thu hoạt động tài chính	75.880.770	129.280.485
7	Chi phí tài chính	1.195.517.489	1.455.513.034
	-Trong đó lãi vay phải trả	1.163.753.668	1.337.400.044
8	Chi phí bán hàng	43.857.888.034	49.788.334.273
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.391.038.462	11.331.315.147
10	Chênh lệch thu chi của phí để trích quỹ DN	-	-
11	Lợi nhuận thuần	10.014.834.570	8.145.493.639
12	Thu nhập khác	150.000.756	169.204.119
13	Chi phí khác	519.454.122	392.462.599
14	Lợi nhuận khác	(369.453.366)	(223.258.480)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.645.381.204	7.922.235.159
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	559.446.624	302.239.608
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.085.934.580	7.619.995.551
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.764	2.301

III/ Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

11/9/2020 11:21

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/ Tổng Tài sản	53,0%	51,0%
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng Tài sản	47,0%	49,0%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	47,0%	48,0%
	- nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	53,0%	52,0%
3	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng Tài sản	10,2%	8,1%
	- Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu thuần	6,5%	5,0%

Kết quả:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: %

2.Thông qua chỉ tiêu chính về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021.

* Chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh:

TT	Nội dung	ĐVT	Chỉ tiêu kế hoạch	Ghi chú
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	115.820	
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	115.820	
3	Doanh thu	Đồng	148.334.590.909	
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	7.651.740.126	
5	Thuế TN doanh nghiệp	Đồng	837.204.585	
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	6.814.535.541	
7	DK phân phối LN sau thuế			
7.1	<i>Quỹ Khen thưởng, phúc lợi</i>	Đồng	681.453.554	
7.2	<i>Quỹ Đầu tư phát triển</i>	Đồng	133.081.987	
7.3	<i>Thưởng ban điều hành nếu lợi nhuận đạt hoặc vượt kế hoạch</i>	Đồng	300.000.000	
7.4	<i>Trả cổ tức 20%/ VDL</i>	Đồng	5.700.000.000	
8	Thu nhập bình quân của lao động	Đồng/tháng	9.516.009	
9	Sản lượng khai thác đá hộc	tấn	86.615	
10	Giá trị đầu tư dự kiến	Đồng	25.716.707.000	

Kết quả:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 %

3. Thông qua báo cáo HĐQT 2020 phương hướng hoạt động 2021;

(Có báo cáo kèm theo)

Kết quả:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 %

4. Thông qua báo cáo hoạt động của ban kiểm soát năm 2020, phương hướng 2021;

(Có báo cáo Kèm theo)

Kết quả:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 %

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;

Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 như sau.

TT	KHOẢN MỤC	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế 2020 chưa phân phối	7.619.995.551
2	Trích tiền chi cổ tức cho Cổ đông năm 2020 (20% VDL)	5.700.000.000
3	Trích Quỹ thưởng ban điều hành	300.000.000
4	Trích 10% Quỹ khen thưởng phúc lợi	761.999.555
5	Phần còn lại trích Quỹ đầu tư phát triển	857.995.996

Kết quả:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100%
- Số cổ phần không có ý kiến: 0%

6. Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021;

* Thực hiện năm 2020:

Căn cứ số liệu thực tế sau khi đã kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

Chi phí thù lao cho Hội đồng quản trị: 372.917.698 đồng

Chi phí thù lao cho Thư kí HĐQT và Ban kiểm soát: 131.786.826 đồng

* Kế hoạch năm 2021:

Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2021, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chi thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

- Hội đồng quản trị:
 - + Chủ tịch HĐQT: hưởng 20% mức Lương của Giám đốc;
 - + Thành viên HĐQT: hưởng 15% mức Lương của Giám đốc;
 - + Thư ký HĐQT: hưởng 15% mức Lương của Kế toán trưởng;
- Ban kiểm soát:
 - + Trưởng ban: hưởng bằng mức lương của trưởng phòng chuyên môn;
 - + Thành viên BKS: hưởng 15% mức Lương của Kế toán trưởng;

Kết quả:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 %

7. Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Ủy quyền cho Ban kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 là một trong 4 đơn vị theo tờ trình của Ban kiểm soát trước đại hội như sau.

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)

- Địa chỉ: số 1 Lê Phụng Hiểu, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC)

- Chi nhánh tại Hà Nội: Toà nhà VIMECO, đường Phạm Hùng, Cầu Giấy.

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

- Chi nhánh tại Hà Nội: 40 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

4. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

- Chi nhánh tại Nghệ An: Tầng 18 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An - Số 7 Đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Kết quả:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: %

8. Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ công ty

(Điều lệ kèm theo)

Kết quả:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: %

9. Thông qua sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị công ty

(Quy chế kèm theo)

Kết quả:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: %

10. Thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

(Quy chế kèm theo)

Kết quả:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: %

11. Thông qua quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty

(Quy chế kèm theo)

* Đại hội Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu rà soát, hoàn thiện, bổ sung và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Ủy quyền cho Ban kiểm soát rà soát, hoàn thiện, bổ sung và ban hành quy chế hoạt động của ban kiểm soát.

Kết quả:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: %

12. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt dự án đầu tư dây chuyền mới sau khi cổ đông lớn Coecco nhất trí thông qua.

Kết quả:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 89 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 11 %

VI- Kết thúc phiên họp:

Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu lập vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 24 tháng 4 năm 2021 được đọc trước toàn thể Đại hội và được Đại hội nhất trí với nội dung biên bản.

Kết quả:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành: 100 %
- Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: 0 %

Biên bản này được lập thành 04 bản kèm vào hồ sơ tài liệu của Đại hội.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Số: 01 /NQ-ĐHĐCĐ

Nghệ An, Ngày 24 tháng 04 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu;
- Căn cứ Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu, ngày 24 tháng 04 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2020 với các chỉ tiêu chính sau:

* **Bảng cân đối kế toán**

TT	DIỄN GIẢI	01/01/2020	31/12/2020
I	Tài sản ngắn hạn	43.263.002.055	46.451.356.391
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.377.608.037	9.982.661.776
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	24.908.585.608	22.487.736.989
4	Hàng tồn kho	12.602.795.880	12.359.786.557
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.374.012.530	1.621.171.069
II	Tài sản dài hạn	49.234.658.574	49.281.246.736
1	Các khoản phải thu dài hạn	2.144.591.243	2.547.807.489
2	Tài sản cố định	89.391.677.489	87.087.534.849
3	Giá trị hao mòn lũy kế	(50.854.418.580)	(50.018.262.433)
4	Chi phí xây dựng dở dang		
5	Tài sản dài hạn khác	8.552.808.422	9.664.166.831
	Tổng cộng tài sản	92.497.660.629	95.732.603.127

I	Nợ phải trả	43.166.201.350	45.689.741.755
1	Nợ ngắn hạn	40.112.678.111	41.143.468.058
2	Nợ dài hạn	3.053.523.239	4.546.273.697
II	Vốn chủ sở hữu	49.331.459.279	50.042.861.372
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	28.500.000.000	28.500.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
4	Cổ phiếu quỹ	-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
7	Các quỹ	11.745.524.699	13.922.865.821
8	Lợi nhuận chưa phân phối	9.085.934.580	7.619.995.551
	Tổng cộng nguồn vốn	92.497.660.629	95.732.603.127

*** Kết quả hoạt động kinh doanh**

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	139.175.749.937	153.539.180.123
2	Các khoản giảm trừ	-	-
3	Doanh thu thuần BH và cung cấp DV	139.175.749.937	153.539.180.123
4	Giá vốn hàng bán	74.792.352.152	82.947.804.515
5	Lợi nhuận bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.383.397.785	70.591.375.608
6	Doanh thu hoạt động tài chính	75.880.770	129.280.485
7	Chi phí tài chính	1.195.517.489	1.455.513.034
	-Trong đó lãi vay phải trả	1.163.753.668	1.337.400.044
8	Chi phí bán hàng	43.857.888.034	49.788.334.273
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.391.038.462	11.331.315.147
10	Chênh lệch thu chi của phí để trích quỹ DN	-	-
11	Lợi nhuận thuần	10.014.834.570	8.145.493.639
12	Thu nhập khác	150.000.756	169.204.119
13	Chi phí khác	519.454.122	392.462.599
14	Lợi nhuận khác	(369.453.366)	(223.258.480)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.645.381.204	7.922.235.159
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	559.446.624	302.239.608
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-

18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.085.934.580	7.619.995.551
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.764	2.301

* Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/ Tổng Tài sản	53,0%	51,0%
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng Tài sản	47,0%	49,0%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	47,0%	48,0%
	- nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	53,0%	52,0%
3	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng Tài sản	10,2%	8,1%
	- Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu thuần	6,5%	5,0%

Điều 2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021 với các chỉ tiêu chính sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Chỉ tiêu kế hoạch	Ghi chú
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	115.820	
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	115.820	
3	Doanh thu	Đồng	148.334.590.909	
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	7.651.740.126	
5	Thuế TN doanh nghiệp	Đồng	837.204.585	
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	6.814.535.541	
7	DK phân phối LN sau thuế			
7.1	<i>Quỹ Khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>Đồng</i>	681.453.554	
7.2	<i>Quỹ Đầu tư phát triển</i>	<i>Đồng</i>	133.081.987	
7.3	<i>Thưởng ban điều hành nếu lợi nhuận đạt hoặc vượt kế hoạch</i>	<i>Đồng</i>	300.000.000	
7.4	<i>Trả cổ tức 20%/ VDL</i>	<i>Đồng</i>	5.700.000.000	
8	Thu nhập bình quân của lao động	Đồng/tháng	9.516.009	
9	Sản lượng khai thác đá hộc	tấn	86.615	
10	Giá trị đầu tư dự kiến	Đồng	25.716.707.000	

Điều 3. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT 2020, phương hướng 2021. (Có báo cáo kèm theo)

Điều 4. Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2020, phương hướng 2021. (Có báo cáo kèm theo)

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.

1. Phương án trả cổ tức:

DHĐCĐ năm 2021 thông qua phương án trả cổ tức năm 2020 là 20%/VĐL.

2. Phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2020.

TT	KHOẢN MỤC	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế 2020 chưa phân phối	7.619.995.551
2	Trích tiền chi cổ tức cho cổ đông năm 2020 (20% VĐL)	5.700.000.000
3	Trích Quỹ thưởng ban điều hành	300.000.000
4	Trích 10% Quỹ khen thưởng phúc lợi	761.999.555
5	Phần còn lại trích Quỹ đầu tư phát triển	857.995.996

Điều 6. Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021.

* Thực hiện năm 2020:

Căn cứ số liệu thực tế sau khi đã kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

Chi phí thù lao cho Hội đồng quản trị: 372.917.698 đồng

Chi phí thù lao cho Thư kí HĐQT và Ban kiểm soát: 131.786.826 đồng

* Kế hoạch năm 2021:

Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2021, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chi thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

- Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT: hưởng 20% mức Lương của Giám đốc;

+ Thành viên HĐQT: hưởng 15% mức Lương của Giám đốc;

+ Thư ký HĐQT: hưởng 15% mức Lương của Kế toán trưởng;

- Ban kiểm soát:

+ Trưởng ban: hưởng bằng mức lương của trưởng phòng chuyên môn;

+ Thành viên BKS: hưởng 15% mức Lương của Kế toán trưởng;

Điều 7. Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

* Đại hội uỷ quyền cho ban kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 là một trong 4 đơn vị theo tờ trình của Ban kiểm soát trước đại hội nhưng phải lựa chọn đơn vị kiểm toán có thể tư vấn tốt cho HĐQT, ban giám đốc trong quản lý điều hành sản xuất kinh doanh theo đúng quy định.

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC) - là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 cho AMC

- Địa chỉ: số 1 Lê Phụng Hiểu, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC)

- Chi nhánh tại Hà Nội: Toà nhà VIMECO, đường Phạm Hùng, Cầu Giấy.

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

- Chi nhánh tại Hà Nội: 40 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

4. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

- Chi nhánh tại Nghệ An: Tầng 18 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An - Số 7 Đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Điều 8. Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của ban kiểm soát.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu rà soát, hoàn thiện, bổ sung và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Ủy quyền cho Ban kiểm soát rà soát, hoàn thiện, bổ sung và ban hành quy chế hoạt động của ban kiểm soát.

Điều 9. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt dự án đầu tư dây chuyền mới sau khi được cổ đông lớn Coecco nhất trí thông qua.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu thông qua tại cuộc họp ngày 24/04/2021. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai Nghị quyết theo Quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

TM ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

K.T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**GIÁM ĐỐC
LÊ ĐÌNH HÙNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN Á CHÂU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ an, Ngày 24 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm tra tư cách cổ đông, đại biểu dự đại hội cổ đông thường niên và cơ cấu cổ đông năm 2021

Chúng tôi được Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Khoáng Sản Á Châu phân công nhiệm vụ thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Với tinh thần trách nhiệm, làm việc khách quan chính xác, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Sau khi nghiên cứu và thẩm tra thực tế cổ đông và tư cách đại biểu dự Đại hội, chúng tôi báo cáo với Đại hội như sau:

Tổng số cổ đông Công ty cổ phần Khoáng Sản Á Châu là: **139** cổ đông, với: **2.850.000** cổ phiếu.

Trong đó:

- + Cổ đông là pháp nhân: 06 cổ đông - đại diện 1.209.300 cổ phiếu
- + Cổ đông là thể nhân: 133 cổ đông - đại diện 1.640.700 cổ phiếu
- + Số cổ đông có mặt tham dự đại hội: 20 cổ đông
- + Số cổ đông vắng mặt có ủy quyền: 39 cổ đông

Đại diện: **2.178.800** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **76.4 %** vốn điều lệ.

+ Số cổ đông vắng mặt không tham dự đại hội và không ủy quyền là: 80 cổ đông, sở hữu: **671.200** cổ phần, chiếm: **23.6 %** vốn điều lệ.

Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty thì Đại hội đủ điều kiện tiến hành.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

ĐẠI DIỆN BAN KIỂM TRA

Thành Thị Châu Giang

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
07h30 – 08h00	Đón tiếp và đăng ký đại biểu tham dự Đại hội	BTC
08h00 – 08h10	- Chào cờ, tuyên bố lý do và khai mạc Đại hội, Giới thiệu khách mời. - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội và tính hợp lệ của Đại hội.	BTC
08h10 – 08h15	- Giới thiệu và mời Chủ tọa	BTC
08h15 – 08h20	- Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký đại hội - Giới thiệu Ban kiểm phiếu	Chủ tọa
08h20 – 08h30	- Thông qua Chương trình Đại hội - Thông qua Quy chế Đại hội	Chủ tọa
08h30 – 09h30	Báo cáo thông qua các nội dung: 1. Báo cáo Tài chính năm 2020, Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2021; 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021; 3. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021; Báo cáo của cơ quan kiểm toán về quyết toán tài chính năm 2020. 4. Thông qua các tờ trình: - Phương án Phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, chi trả cổ tức 2020 - Trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS 2020 và đề xuất mức thù lao 2021 - Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 - Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, quy chế quản trị nội bộ công ty.	Giám đốc Chủ tịch Trưởng BKS Chủ Tọa
09h30 – 10h15	Thảo luận và thông qua nội dung các Báo cáo và Tờ trình	Chủ tọa
10h15 - 10h30	Phản biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo đại hội	Chủ tọa
10h30 – 10h45	Nghỉ giải lao (Ban kiểm phiếu, ban thư kí hoàn tất kiểm phiếu và biên bản đại hội)	BTC
10h45 - 10h55	Công bố kết quả kiểm phiếu các nội dung báo cáo tại đại hội	Ban kiểm phiếu
10h55 – 11h15	- Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Thư ký
11h15 – 11h20	Bế mạc Đại hội	BTC

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐÌNH XUÂN TỰ



QUY CHẾ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông áp dụng cho việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Chương II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu do Trung tâm Lưu ký chứng khoán chốt ngày 17/03/2021.

Chương III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

1. Điều kiện tham dự

Cổ đông là đại diện pháp nhân hoặc thể nhân là chủ sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần vào ngày chốt danh sách cổ đông tham gia Đại hội (17/03/2021).

2. Quyền của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

a) Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Điều lệ;

b) Ban tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai nội dung các chương trình tại Đại hội. Tất cả cổ đông tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội;



c) Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội phải mang theo Chứng minh thư nhân dân, Thư triệu tập họp nộp cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận các Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử cho các vấn đề cần biểu quyết, cần bầu cử trong đại hội thường niên năm 2021. Giá trị biểu quyết của phiếu bầu mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết, quyền bầu cử mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội;

d) Trường hợp cổ đông vừa trực tiếp tham dự họp theo số cổ phần mình sở hữu đồng thời vừa là đại diện cho tổ chức tham dự đại hội thì sẽ được phát các loại phiếu biểu quyết, phiếu bầu của bản thân cổ đông đó và các loại phiếu biểu quyết, phiếu bầu của tổ chức do cổ đông đại diện để thể hiện quan điểm, ý kiến của Tổ chức đó với các vấn đề được biểu quyết, bầu cử tại đại hội.

e) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội sau khi nghe các Báo cáo, Tờ trình và các vấn đề khác sẽ tiến hành biểu quyết để thông qua các nội dung bằng hình thức phiếu biểu quyết;

f) Cổ đông, đại diện cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết, bầu cử ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết, các đợt bầu cử đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

a) Tham gia hoặc uỷ quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty;

b) Tuân thủ các quy định tại Quy chế này;

c) Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội;

d) Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Hội đồng quản trị cử ra. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ cổ đông đến họp; kiểm tra tư cách cổ đông, phát các tài liệu và phiếu biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu do Hội đồng quản trị đề cử và thông qua Đại hội. Ban kiểm phiếu tiến hành thông qua đại hội Quy chế bầu cử, phát và thu các loại phiếu bầu sau khi đại hội bỏ phiếu. Tiến hành kiểm phiếu; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký

1. Chủ tọa là người chủ trì cuộc họp Đại hội cổ đông;
2. Chủ tọa đề cử Thư ký Đại hội, và Ban kiểm phiếu để Đại hội thông qua;
3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao;
4. Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự;
5. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Điều lệ) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a) Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp ;
 - b) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.Thời hạn trì hoãn đại hội không được quá 3 ngày.
6. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của chủ tọa đại hội.



CHƯƠNG III. TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất cho trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm Hội đồng quản trị ra quyết định triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Thể lệ biểu quyết:

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
 - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV. KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 9: Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội cổ đông

Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Các vấn đề khác được thông qua khi có từ 50 % trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Điều 10: Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty.

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11: Quy chế này gồm 5 chương 11 điều, được thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Kết quả phiếu biểu quyết như sau:

TT	Nội dung biểu quyết	Số cổ phần đồng ý			Số cổ phần ko đồng ý			Không có ý kiến		
		Số lượng	Tỷ lệ / CP biểu quyết	Tỷ lệ / tổng CP	Số lượng	Tỷ lệ / CP biểu quyết	Tỷ lệ / tổng CP	Số lượng	Tỷ lệ / CP biểu quyết	Tỷ lệ / tổng CP
1	Quyết toán tài chính năm 2020	2.178.800	100%	76%	-	0%	0%	-	0%	0%
2	Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của năm 2021	2.178.800	100%	76%	-	0%	0%	-	0%	0%
3	Báo cáo của HĐQT năm 2020 phương hướng năm 2021	2.178.800	100%	76%	-	0%	0%	-	0%	0%
4	Báo cáo của BKS năm 2020, phương hướng năm 2021	2.178.800	100%	76%	-	0%	0%	-	0%	0%
5	Phương án phân phối lợi nhuận, mức chia cổ tức 2020	2.178.800	100%	76%	-	0%	0%	-	0%	0%
6	Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, ban kiểm soát năm 2020 và mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021	2.178.800	100%	76%	-	0%	0%	-	0%	0%
7	Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	2.178.800	100%	76%	-	0%	0%	-	0%	0%
8	Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ công ty	2.178.800	100%	76%	-	0%	0%	-	0%	0%
9	Thông qua sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị công ty	2.178.800	100%	76%	-	0%	0%	-	0%	0%
10	Thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty	2.178.800	100%	76%	-	0%	0%	-	0%	0%
11	Thông qua quy chế hoạt động của ban kiểm soát công ty	2.178.800	100%	76%	-	0%	0%	-	0%	0%
12	Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền HĐQT phê duyệt dự án đầu tư sau khi Tổng công ty Hợp tác Kinh tế nhất trí thông qua	1.939.700	89%	68%	-	0%	0%	239.100	11%	8%

CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU


Quế Minh Hoàng


Lê Xuân Huy


Trần Thị Huyền Trang

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu**

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu;
- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị;
- Căn cứ vào báo cáo quyết toán tài chính năm 2020 đã kiểm toán của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu xin báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Công ty và HĐQT năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 trước Đại hội đồng cổ đông như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi:

Hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2020 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn tuy nhiên công ty đã duy trì ổn định sản xuất; Công ty được sự quan tâm ủng hộ của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông pháp nhân lớn Coecco; Công ty đã có kinh nghiệm, thương hiệu tương đối tốt trong sản xuất và tiêu thụ bột đá trắng; HĐQT, Ban giám đốc và người lao động của Công ty đã luôn đoàn kết nhất trí, nỗ lực cố gắng, ý thức trách nhiệm cao.

HĐQT Công ty luôn quan tâm chỉ đạo sát sao, các thành viên thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, bám sát tình hình của đơn vị, đưa ra các quyết định kịp thời trong các hoạt động của Công ty, trong đó chú trọng công tác phát triển mở rộng thị trường, tiết giảm chi phí, gia tăng lợi nhuận trong hoạt động SXKD.

Chính sách chất lượng sản phẩm được Công ty ưu tiên hàng đầu vì vậy Công ty được bạn hàng tin dùng, giữ được thị phần.

2. Khó khăn:

Năm 2020 công ty hoạt động trong điều kiện ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh covid 19, thời tiết khắc nghiệt. Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành sản

xuất bật đã diễn ra gay gắt, đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, đầu tư và triển khai các hoạt động khác của Công ty.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT luôn hoạt động trên nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các quy chế quản lý nội bộ đã ban hành.

Trong năm 2020, HĐQT của AMC đã tổ chức 04 phiên họp, 11 lần tổ chức lấy phiếu xin ý kiến, đồng thời ban hành các Nghị quyết để chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ và giám sát thực hiện. Các cuộc họp của HĐQT được các thành viên tham gia đầy đủ và có mời ban kiểm soát, ban điều hành tham gia, đưa ra các Nghị quyết và quyết định phù hợp với Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020. Nội dung các phiên họp luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đưa các nghị quyết của HĐQT vào thực tế kinh doanh của công ty. Cụ thể một số nội dung chỉ đạo và quyết định chính của HĐQT như sau:

- Thông qua báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng đầu năm và cả năm của công ty.
- Thông qua việc cho thanh lý xe ô tô Camry và mua sắm xe bán tải Ford Rangge, mua xe nâng hàng
- Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 là công ty TNHH kiểm toán quốc tế (iCPA).
- Thông qua việc thanh xử lý hệ thống máy móc thiết bị hết khấu hao và hết giá trị sử dụng.
- Thông qua việc quyết toán dự án hoàn thành dự án đầu tư mở rộng dây chuyền nghiền mịn tại phân xưởng 2.
- Thống nhất chủ trương trình ĐHCĐ về phân phối lợi nhuận 2020.
- Chỉ đạo ban điều hành về thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2020 theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

2. Kết quả chỉ đạo thực hiện nghị quyết đại hội cổ đông 2020

*** Kết quả sản xuất kinh doanh.**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	TH 2020 so với KH	TH 2020 so với TH 2019
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	110.017	108.805	109.687	98,9%	99,2%

2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	110.017	117.394	108.869	106,7%	107,8%
3	Doanh thu	Triệu đồng	146.017	153.838	139.402	105,4%	110,4%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.560	7.922	9.645	104,8%	82,1%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.172	7.620	9.086	106,2%	83,9%
6	Thu nhập BQNLD	Triệu đồng/n g	9,5	10,1	9,50	106,3%	106,3%
7	Nộp ngân sách	Triệu đồng	8.873,0	8.454	12.569	95,3%	88,8%

0085
CÔNG
CỔ PHẦN
Á CHÂU
HỒ LỊCH

(Hội đồng quản trị thống nhất và nhất trí báo cáo của giám đốc và báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2020 của công ty đã được kiểm toán).

3. Công tác giám sát ban giám đốc và ban điều hành công ty:

HDQT đánh giá cao nỗ lực của giám đốc và ban điều hành công ty cổ phần khoáng sản Á Châu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2020. Năm 2020 là năm đặc biệt khó khăn nhưng công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính mà đại hội cổ đông 2020 đã đề ra, là cơ sở và nền tảng tạo đà cho năm 2021 và những năm tiếp theo.

Để có con số ấn tượng trên là sự nỗ lực cố gắng và sự đoàn kết nhất trí cao từ ban điều hành đến các phòng ban phân xưởng và người lao động. Ban điều hành đã có nhiều giải pháp để điều hành sản xuất linh hoạt khoa học. Các nghị quyết, chỉ đạo của HDQT được ban điều hành triển khai quyết liệt, chắc chắn, cụ thể và sâu sát.

+ Giám đốc và các Cán bộ quản lý trong công ty đã có nhiều cố gắng nhưng sản lượng sản xuất chưa đạt theo Nghị quyết ĐHCĐ mặc dù sản lượng tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận vượt so với kế hoạch.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG HDQT NĂM 2021

*** Dự báo tình hình**

Dự báo tình hình thị trường năm 2021 sẽ có nhiều yếu tố bất lợi ảnh hưởng đến việc sản xuất và kinh doanh như dịch bệnh covid – 19 vẫn còn diễn biến phức tạp, cạnh tranh tiếp tục khốc liệt, chi phí đầu vào sẽ tăng do giá dầu tăng và rủi ro từ lạm phát.

Xác định năm 2021 sẽ có nhiều khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, HDQT quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường

công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021, thường xuyên quan tâm đến việc hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của người lao động, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông, giữ vững và phát triển bền vững thương hiệu NSS.

* Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh dự kiến:

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ bột đá: 115.820 tấn, sản phẩm các loại

- Doanh thu: 148.334,6 triệu đồng.
- Nộp ngân sách: 6.970,3 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 7.651,7 triệu đồng.
- Giá trị tăng thêm: 37.303,3 triệu đồng.
- Thu nhập bình quân người lao động: 9,516 tr.đồng/người/tháng.
- Dự kiến trả cổ tức: Tối thiểu 20%
- Kế hoạch đầu tư: 25.716,7 triệu đồng.

* Các giải pháp cơ bản:

- Tiếp tục chủ động các biện pháp để phòng, chống dịch NCOV - 19 tại công ty, nhắc nhở cán bộ và nhân viên người lao động không được chủ quan.

- Đầu tư mở rộng sản xuất dây chuyền sản xuất bột đá trắng khi có cơ hội.

- Đẩy nhanh tiến độ chuyển tên mỏ Châu Quang.

- Duy trì ổn định SXKD, tiếp tục đẩy mạnh công tác thị trường và quảng bá thương hiệu, trong đó đặc biệt tập trung cho thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện tốt công tác công nghệ kỹ thuật, tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời, bảo đảm có hiệu quả MMTB cho sản xuất; đẩy mạnh công tác sáng kiến CTKT, giảm giá thành nâng cao hiệu quả. Tăng cường kiểm tra để ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Tập trung hoàn thiện cơ chế quản lý nội bộ đảm bảo hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành thống nhất và hiệu quả.

- Thực hiện tốt công tác tài chính- kế toán; tích cực thu hồi công nợ khách hàng, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho SXKD, cho đầu tư kịp thời. Quản lý chi phí theo định mức KTKT, định mức lao động- đơn giá tiền lương, định mức chi phí đã được duyệt

- Đảm bảo đầy đủ, kịp thời mọi chế độ cho người lao động, thường xuyên quan tâm đến công tác ATVSLĐ và cải thiện môi trường, điều kiện làm việc. thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, khai thác đá và tham gia giao thông.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT, ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định lãnh đạo quản lý và giải quyết các vấn đề cần thiết; thực hiện

nghiêm chỉnh chế độ đơn đốc, kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị.

Trên đây là báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty CP khoáng sản Á Châu năm 2020, kế hoạch công tác cho năm 2021, rất mong các cổ đông tham gia đóng góp ý kiến, giúp cho hoạt động của HĐQT ngày càng chất lượng hơn vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Xin chân thành cảm ơn và kính chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐINH XUÂN TỰ

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Khoáng sản Á Châu;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA).

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 với các nội dung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Thực hiện nhiệm vụ theo nội dung quy chế của Ban kiểm soát, luôn theo dõi việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.
 - Kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Xem xét báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động.
 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị.
 - Lập báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.
 - Lập tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn Công ty kiểm toán độc lập.
 - Xem xét Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm của Công ty, phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được HĐQT, Ban điều hành tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

2. Thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động SXKD:

Một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động SXKD năm 2020



- Doanh thu bán hàng & cung cấp dv: 153.838 tr đồng - đạt 105,4% KH
- Lợi nhuận trước thuế: 7.922 tr đồng - đạt 104,8% KH
- Lợi nhuận sau thuế: 7.619 tr đồng - đạt 106,2% KH
- Thu nhập bình quân: 10,1 tr đ/ng/th - đạt 106,3% KH
- Lãi cơ bản/cổ phiếu: 2.301 đ/cp

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2020, số liệu báo cáo phản ánh đầy đủ, rõ ràng, trung thực và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA).

3. Thẩm định báo cáo tài chính.

Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của công ty

TT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2020	Số đầu kỳ 01/01/2020
I	Tài sản ngắn hạn	46.451.356.391	43.263.002.055
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	9.982.661.776	4.377.608.036
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	22.487.736.989	24.908.858.608
4	Hàng tồn kho	12.359.786.557	12.602.795.880
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.621.171.069	1.374.012.531
II	Tài sản dài hạn	49.281.246.736	49.234.658.574
1	Các khoản phải thu dài hạn	2.547.807.489	2.144.951.243
2	Tài sản cố định	37.069.272.416	38.537.258.909
3	Tài sản dở dang dài hạn	-	-
4	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	9.664.166.831	8.552.808.422
*	Tổng cộng tài sản	95.732.603.127	92.497.660.629
III	Nợ phải trả	45.689.741.755	43.166.210.350
1	Nợ ngắn hạn	41.143.468.058	40.112.678.111
2	Nợ dài hạn	4.546.273.697	3.053.523.239
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	50.042.861.372	49.331.459.279
1	Vốn góp của chủ sở hữu	28.500.000.000	28.500.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	13.922.865.821	11.745.524.699
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.619.995.551	9.085.934.580
*	Tổng cộng nguồn vốn	95.732.603.127	92.497.660.629

Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung, số liệu báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của công ty, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trong yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.1. Tình hình tài chính:

- Khả năng sinh lời của Công ty ở mức khá; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 18,44%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) đạt 8,10%; Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 2.301 đồng/cổ phiếu;

- Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của công ty; Khả năng thanh toán tổng quát là 2,10 lần; Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 1,13 lần; Khả năng thanh toán nhanh là 0,83lần; Tỷ lệ nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu là 1,08 lần; Các hệ số thanh toán trên là đáp ứng đủ mức an toàn đối với một công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và sản xuất khoáng sản.

3.2. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

- Công tác quản lý sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn của đơn vị được thực hiện chặt chẽ; huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, nguồn vốn kinh doanh được bảo toàn và phát triển.

- Công nợ phải thu, phải trả được phân loại, theo dõi chi tiết theo từng đối tượng thanh toán;

3.3. Thực hiện định mức chi phí, giá thành sản phẩm:

Đơn vị tổng hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm chi tiết theo từng cung đoạn, từng sản phẩm; Nhìn chung công tác quản lý định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá thành sản phẩm đảm bảo chặt chẽ, bám sát kế hoạch.

3.4. Chấp hành tốt chế độ chính sách:

- Công tác hạch toán kế toán đúng nguyên tắc, phù hợp với quy chế quản lý tài chính. Cập nhật kịp thời các văn bản, chính sách thuế mới.

- Chấp hành tốt các chế độ thu nộp bảo hiểm, thu nộp ngân sách Nhà nước và cấp trên.

- Đơn vị phân phối lợi nhuận theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

4. Kết quả giám sát hoạt động quản trị và điều hành

Hội đồng quản trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được ban hành thực hiện một cách kịp thời, đúng quy định;

Việc thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Năm 2020 là một năm tình hình kinh tế rất khó khăn nhưng nhờ sự chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong công tác quản lý đã phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cơ bản ổn định và phát triển, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra. Hoàn thành chi trả cổ tức cho các cổ đông, thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định của UBCK Nhà nước, Hoàn thành việc sắp xếp lại mô hình tổ chức, biên chế công ty, lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020. Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng quy định, đảm bảo chế độ tiền lương và quyền lợi cho người lao động. Tổ chức soạn thảo và ban hành đầy đủ các nội quy, quy chế quản trị nội bộ đáp ứng nhu cầu quản lý. Các tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

Về công tác đầu tư: Trong năm công ty đã triển khai đầu tư tài sản, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc với tổng trị giá đầu tư: 5.835,7 triệu đồng, bao gồm. (Mua xe Ô tô bán tải ford Ranger: 699,8 triệu đồng; Mua xe nâng hàng 270 triệu đồng; Đầu tư thay thế dây chuyền nghiền mịn 6R bằng dây chuyền HC 1500: 3.531,8 triệu đồng; Cải tạo, nâng cấp nhà kho PX2: 951,2 triệu đồng; Lắp đặt 02 máy đóng bao tự động: 382,8 triệu đồng..).

Một số điểm tồn tại: Chấp hành nghĩa vụ với NSNN còn một số thiếu sót, trong kỳ cơ quan thuế kiểm tra đã truy thu, phạt hành chính và phạt nộp chậm với số tiền 153 triệu đồng.

Công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm mặc dù cơ bản đáp ứng được yêu cầu tuy nhiên vẫn còn xảy ra lỗi sản phẩm để khách hàng phản ánh, phải xử lý và bồi thường với số tiền 238 triệu đồng.

Đề nghị: Ban điều hành tăng cường thu hồi công nợ khách hàng để đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD, phòng chống rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính.

Công ty cần tiếp tục tăng cường kiểm soát chặt chẽ các chi phí, giảm giá thành, đảm bảo chất lượng sản phẩm để nâng cao vị thế cạnh tranh trước tình hình chi phí đầu vào tăng mà giá bán lại khó tăng do áp lực cạnh tranh tiêu thụ ngày càng nhiều.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021.

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Ban kiểm soát lập kế hoạch làm việc năm 2021 như sau:

- Tiếp tục kiểm tra giám sát các hoạt động quản trị điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, vật tư, tài sản của Công ty;

- Thẩm định các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm của Công ty.

- Báo cáo trước ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ kế toán, báo cáo tài chính và các báo cáo khác của Công ty;

- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc và các phòng ban trong Công ty với mục đích chung là thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Trên đây là báo cáo quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát.

Xin trân trọng cảm ơn! và chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc, chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, Ban giám đốc;
- Thành viên BKS;
- Lưu VT;

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Trần Minh Hưng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



NGHEAN SUPERFINE STONE

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2021

MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2021.

Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I - ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh lần đầu;

f) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

g) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II - TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ASIA MINERAL JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: AMC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

a) Địa chỉ trụ sở chính: Lô 32 – Khu C – Khu công nghiệp Nam Cẩm – Nghi Xá – Nghi Lộc – Nghệ An.

- Điện thoại: 02383.791.777

- E-mail: amc@amcvina.vn

- Website: www.amcvina.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của điều lệ này.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền hạn sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

CHƯƠNG III - MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Mã ngành 2399: Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu (*Chi tiết: Sản xuất và chế biến sản phẩm bột đá vôi trắng siêu mịn, các loại phụ gia trong ngành công nghiệp như sơn, nhựa, giấy, cao su, thức ăn chăn nuôi.v.v.*);

- Mã ngành 0810: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

- Mã ngành 4669: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu(*Chi tiết: Mua bán sản phẩm bột đá vôi trắng siêu mịn các loại*);

- Mã ngành 4799: Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (*Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm bột đá vôi trắng siêu mịn các loại*);

- Mã ngành 4933: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh khoáng sản, phát triển quyền tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu trên cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV - VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 28.500.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **2.850.000** cổ phần với mệnh giá là **10.000** đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm **2.850.000 cổ phần phổ thông**. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty,

người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần

đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V - CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI - CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký

cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy

định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký

của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

f) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

g) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

h) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

i) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

j) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

k) Các vấn đề khác theo khoản 1 Điều này và quy định của pháp luật.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trừ các trường hợp xảy ra sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng

loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất (21 ngày) trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất (03 ngày) làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành

viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

c) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp đại hội cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- j) Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng

quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 03 đến 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch sản xuất kinh doanh có giá trị trên 1 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư, nhưng không vượt quá 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, người phụ trách Công ty, Trưởng và phó các phòng, ban, Quản đốc, Phó Quản đốc Phân xưởng, Quản lý đội khai thác đá và các chức danh quản lý tương đương khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng

cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính

tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty;

người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là (03 ngày) làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là (03 người) bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 điều 156 luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII - GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX - BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp ;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X - TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan

Thực hiện theo điều 167 luật doanh nghiệp

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI - QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Kiểm soát viên, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII - CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII - PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về

khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV - TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký của Công ty.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV - BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI - KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo, dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính sáu tháng, năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

4. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

CHƯƠNG XVII - DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII - GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất (7 tháng) trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu (06 tháng) trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ

định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng (06 tuần) từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX - BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại trụ sở chính của Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c) Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	2
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	2
CHƯƠNG II - TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	4
CHƯƠNG III - MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG IV - VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	8
CHƯƠNG V - CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
CHƯƠNG VI - CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 21. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	25

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	30
CHƯƠNG VII - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	30
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	32
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	36
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	37
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	39
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	40
CHƯƠNG VIII - GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	40
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	41
Điều 34. Người điều hành Công ty	41
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	41
CHƯƠNG IX - BAN KIỂM SOÁT.....	42
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	42
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	43
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	44
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	44
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	45
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	46
CHƯƠNG X - TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	46
Điều 42. Trách nhiệm căn trọng	46
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	46
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	47
CHƯƠNG XI - QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	49
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	49

CHƯƠNG XII - CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	50
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	50
CHƯƠNG XIII - PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	50
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	50
CHƯƠNG XIV - TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	51
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	51
Điều 49. Năm tài chính	51
Điều 50. Chế độ kế toán.....	52
CHƯƠNG XV - BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	52
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	52
Điều 52. Báo cáo thường niên	53
CHƯƠNG XVI - KIỂM TOÁN CÔNG TY	53
Điều 53. Kiểm toán.....	53
CHƯƠNG XVII - DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	53
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	53
CHƯƠNG XVIII - GIẢI THỂ CÔNG TY	54
Điều 55. Giải thể công ty	54
Điều 56. Gia hạn hoạt động.....	54
Điều 57. Thanh lý	54
CHƯƠNG XIX - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	55
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ	55
CHƯƠNG XX - BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	56
Điều 59. Điều lệ công ty	56
CHƯƠNG XXI - NGÀY HIỆU LỰC	57
Điều 60. Ngày hiệu lực.....	57



PHỤ LỤC: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ MỚI SO VỚI ĐIỀU LỆ CŨ

(Kèm theo tờ trình số: /TTr-HĐQT ngày tháng năm 2021)

TT	Điều lệ HIỆN HÀNH		Điều lệ MỚI		Căn cứ
	Điều/ Khoản	Nội dung	Điều/ Khoản	Nội dung sửa đổi, bổ sung	
1	Điều 1 Khoản 1	Không quy định	Điều 1 Khoản 1	b) <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
2	Điều 6 Khoản 8	8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.	Điều 6 Khoản 7	7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
3	Điều 7 Khoản 4	4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.		4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
4	Điều 12 Khoản 2	a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	Điều 12 Khoản 1	a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC

5		h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;		g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
6		Không quy định		i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật; l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
7	Điều 12 Khoản 3	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:	Điều 12 Khoản 2	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	Cập nhật theo luật mới
8		a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;		Không quy định	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC

9	Điều 12 Khoản 3	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần</p>		<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>Cập nhật theo luật Doanh nghiệp mới (Khoản 5 Điều 115)</p>
---	--------------------	---	--	--	---

		<p>của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>			
10		Không quy định	Điều 13 Khoản 2	<p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>	Cập nhật theo luật Doanh nghiệp mới (Khoản 2 Điều 119)
11		Không quy định	Điều 13 Khoản 5	<p>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	Cập nhật theo luật Doanh nghiệp mới (Khoản 5 Điều 119)
12	Điều 14 Khoản 1	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>		<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài</p>	Cập nhật theo luật Doanh nghiệp mới (Khoản 2 Điều 139)

				cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.	
13	Điều 14 Khoản 3	b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;		Không quy định	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
14		Không quy định		d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
15		Không quy định	Điều 15 Khoản 1	j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;	Cập nhật theo luật Doanh nghiệp mới (Khoản 2 Điều 138)
16		Không quy định	Điều 15 Khoản 2	b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; c) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc; d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC

				<p>e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>j) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	
17	Điều 16	Điều 16. Đại diện theo ủy quyền		Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
18	Điều 16 Khoản 2	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng</p>		<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo</p>	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC

		cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.		ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	
19	Điều 16 Khoản 3	3.Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).		Không quy định	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
20	Điều 17 Khoản 1	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm		1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Khoản 6 Điều 148)

		giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.			
21	Điều 17 Khoản 2	Không quy định		2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
22	Điều 18 Khoản 2 Mục a	a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;		a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC

				tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	
23	Điều 18 Khoản 3	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.		3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Khoản 1 Điều 143)
24	Điều 18 Khoản 5 Mục b	b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;		b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;	Cập nhật theo sửa đổi, bổ sung của Điều lệ mới
25	Điều 18 Khoản 6	Không quy định		6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức	Cập nhật theo sửa đổi, bổ sung của Điều lệ mới

				bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	
26	Điều 19 Khoản 1	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.		1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.	Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Khoản 1 Điều 145)
27	Điều 20 Khoản 7	7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.	Điều 20 Khoản 8	8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây: a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.	Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Khoản 8 Điều 146)
28		Không quy định	Điều 20 Khoản 9, 10	9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành. 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua	Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Khoản 9 Điều 146) Theo tình hình thực tế

				<p>hợp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
29	<p>Điều 21 Khoản 1</p>	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.</p> <p>d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p>	<p>Điều 21 Khoản 2</p>	<p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Khoản 2 Điều 148)</p>

		e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.			
30	Điều 22 Khoản 2	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.		2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Khoản 2 Điều 149)
31	Điều 22 Khoản 9	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 22 Khoản 8	8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Khoản 8 Điều 149)
32	Điều 23	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông		Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
33		Không quy định	Điều 23 Khoản 1 Mục j	j) Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Điểm i Khoản 1 Điều 150)
34	Điều 23	5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm		5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo	Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới

	Khoản 5	chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.		mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	(Khoản 6 Điều 150)
35	Điều 25 Khoản 1	1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu ba (03) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.	Điều 25 Khoản 1	1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
36	Điều 25 Khoản 2	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới		2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Khoản 5 Điều 115)

		60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến 70% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.			
37	Điều 26 Khoản 1	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.		1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 03 đến 05 người.	Tình hình thực tế
38		Không quy định	Điều 26 Khoản 3,5	3.Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 5.Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
39	Điều 27 Khoản 1	1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.		1.Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Khoản 1 Điều 153)
40	Điều 28 Khoản 1,2	1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được		1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC

		<p>chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>		<p>thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p>	
41	Điều 29 Khoản 1	<p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.</p>		<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Khoản 1 Điều 153)</p>
42	Điều 30 Khoản 2	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp.</p>	Điều 30 Khoản 6	<p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là (03 ngày) làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p>	<p>Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Khoản 6 Điều 157)</p>
43		<p>Không quy định</p>	Điều 41 Khoản 1 Mục b	<p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Kiểm soát viên, hợp đồng, giao dịch</p>	<p>Cập nhật theo Luật doanh nghiệp mới (Điểm a Khoản 2 Điều 115)</p>

				phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.	
44	Điều 37	Điều 37. Kiểm soát viên		Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC
45		Không quy định	Điều 43 Khoản 3,4,5,6	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC

				<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan</p> <p>Thực hiện theo điều 167 luật doanh nghiệp</p>	
46		Không quy định	Điều 44	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền</p>	<p>Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC</p>

				<p>của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
47	Điều 48 Khoản 1,2	1.Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi	Điều 51 Khoản 1,2	1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà	Điều lệ mẫu trích Thông tư TT116/2020/TT-BTC

	<p>năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p>		<p>nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p>	
--	--	--	--	--

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01 ngày 24 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt:

- a. “Công ty”, “AMC”: là Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu;
- b. “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” số 2900859599 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19 tháng 9 năm 2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp;
- c. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu;
- d. “HĐQT”: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng Sản Á Châu;
- e. “BKS”: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng Sản Á Châu.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “Quản trị công ty” là hệ thống nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
- b. “Công ty đại chúng” là Công ty được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán;
- c. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- d. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- đ. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Giám đốc;
- e. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- f. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 6 Luật chứng khoán;

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định của Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

a) Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

- Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;

- Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

c) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty và các quy định khác theo pháp luật.

d) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho công ty niêm yết.

đ) Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và các quy định khác theo pháp luật.

f) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty và các quy định khác theo pháp luật.

g) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật.

h) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Theo quy định tại Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

i) Cách thức bỏ phiếu

Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

k) Cách thức kiểm phiếu quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

l) Điều kiện để nghị quyết được thông qua quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

m) Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không ý kiến đối với từng vấn đề.

n) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

o) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

ô) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến

a) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

b) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.

d) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ Công ty.

đ) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

e) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

g) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

a) Vai trò HĐQT: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b) Quyền và nghĩa vụ: Quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị là từ 03 - 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Tổng số thành viên không điều hành của Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Quy định tại khoản 1, 2 Điều 25 Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc

một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất, đến khi đủ số thành viên theo quy định của Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp; không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng; có đơn từ chức và được chấp thuận; trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Tương tự như trường hợp bầu, miễn nhiệm, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị bãi nhiệm khi có quyết định của Hội đồng quản trị, thông qua hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

Quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu: Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị: Có đề nghị của Ban kiểm soát; có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định): quy định tại khoản 6 Điều 30 Điều lệ Công ty.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát: Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

e) Cách thức biểu quyết: Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Biên bản họp HĐQT phải được ghi chép đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản cuộc họp.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị: Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

l) Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm thông báo Nghị quyết HĐQT theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và quy định của pháp luật.

5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty: Là người có hiểu biết về pháp luật; không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty.

c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được công bố thông tin trên trang của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và trên trang thông tin cá nhân của Công ty theo quy định của pháp luật.

đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Điều 5. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát HĐQT, BGD trong việc quản lý và điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính cũng như thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát: Quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất, đến khi đủ số thành viên theo quy định của Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Quy định tại Điều 174 Luật doanh nghiệp và khoản 3, khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp và Điều 41 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc.

a) Vai trò, trách nhiệm của Giám đốc: Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

b) Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

Quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh.

b) Ứng cử, đề cử Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc

- Giám đốc là thành viên HĐQT (được HĐQT bổ nhiệm một người trong số họ) hoặc được thuê theo hợp đồng lao động.

- HĐQT có quyền bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc, đồng thời quyết định của HĐQT được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

đ) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

Quy định tại Điều 163 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 34 Điều lệ Công ty.

Điều 7. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

- Kiểm soát viên, thành viên Ban Giám đốc (không phải là thành viên HĐQT) có thể được triệu tập tham gia các cuộc họp của HĐQT khi HĐQT xét thấy việc tham gia này là cần thiết. Trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến BKS, Ban Giám đốc như đối với thành viên HĐQT. Trưởng BKS, Giám đốc có nghĩa vụ trực tiếp hoặc cử thành viên của ban mình tham dự cuộc họp theo như giấy triệu tập. Kiểm soát viên, thành viên Ban Giám đốc dự họp có thể tham gia thảo luận và tham mưu cho HĐQT nhưng không có quyền biểu quyết. Chủ tịch HĐQT sẽ gửi thông báo kết quả cuộc họp cho Trưởng BKS và/hoặc Giám đốc trong thời gian 7 (bảy) ngày sau khi kết thúc cuộc họp.

- Khi cần thiết, Trưởng BKS có thể mời một số thành viên HĐQT, Ban Giám đốc tham dự cuộc họp của BKS để tham vấn một số vấn đề có liên quan. Thư mời được gửi như đối với Kiểm soát viên. Trưởng BKS sẽ gửi thông báo kết quả cuộc họp cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Giám đốc trong thời gian 7 (bảy) ngày sau khi kết thúc cuộc họp.

- Khi cần thiết, Giám đốc có thể mời một số thành viên HĐQT, BKS tham dự cuộc họp của Ban điều hành công ty để tham vấn một số vấn đề có liên quan. Thư mời được gửi như đối với thành viên Ban điều hành. Giám đốc sẽ gửi thông báo kết quả cuộc họp cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Trưởng BKS trong thời gian 7 (bảy) ngày sau khi kết thúc cuộc họp. Chủ tịch HĐQT có thể dự họp hoặc cử các thành viên HĐQT tham gia dự các cuộc họp Ban điều hành và được quyền phát biểu nhưng không được biểu quyết.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Bản sao các văn bản nghị quyết của HĐQT sẽ được chuyển đến cho Trưởng BKS trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm được cung cấp cho thành viên HĐQT.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc

Bản sao các văn bản nghị quyết của HĐQT sẽ được chuyển đến cho Giám đốc trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm được cung cấp cho thành viên HĐQT.

d) Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

- Khi phát hiện có thành viên HĐQT, ban Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp thì BKS gửi thông báo ngay bằng văn bản yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm, khắc phục hậu quả và triệu tập cuộc họp HĐQT.

- Giám đốc yêu cầu tổ chức cuộc họp HĐQT khi cần xin ý kiến HĐQT thông qua các chủ trương kinh doanh hoặc đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT.

đ) Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Định kỳ hàng tháng, quý, Giám đốc phải có Báo cáo gửi HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó phân tích rõ từng kết quả hoạt động của các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tỷ lệ đạt được so với kế hoạch mà ĐHCĐ và HĐQT giao.

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc

- HĐQT áp dụng cách thức tự phê bình và phê bình qua đó Giám đốc tự nhận thấy được ưu nhược điểm để ngày càng nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Kiểm điểm theo nội dung: quá trình thực hiện nhiệm vụ được HĐQT phân công, tinh thần trách nhiệm, kết quả và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

g) Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

- Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả kế hoạch sản xuất kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

- HĐQT thực hiện việc giám sát các hoạt động của Giám đốc thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp cùng HĐQT, Ban điều hành công ty để đưa ra các nhận định và đề xuất về tình hình tài chính của Công ty.

- Hàng năm, BKS tổ chức ít nhất 2 cuộc họp định kỳ nhằm kiểm soát tình hình tài chính của công ty. Giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ có liên quan và hỗ trợ kiểm soát viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

a) Khen thưởng

Tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, HĐQT sẽ trình đại hội quyết định mức tỷ lệ % trích từ lợi nhuận sau thuế để thưởng cho HĐQT, Ban điều hành khi Công ty đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

b) Kỷ luật

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT xem xét tư cách thành viên HĐQT, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu bao gồm 8 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KT. CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;**Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;**Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu;**Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01 ngày 24 tháng 4 năm 2021;**Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu;**Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu bao gồm các nội dung sau:***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 26 Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và tiêu chuẩn khác theo Điều lệ Công ty. (bỏ “khoản 2)

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Quy định tại khoản 1, 2, 3 và điểm a, c khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời

hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp và quy định khác theo Điều lệ Công ty.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Quy định tương tự quy định đối với Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 23 Điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực

hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày....tháng....năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KT. CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



NGHEAN SUPERFINE STONE

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Nghệ An, ngày ... tháng ... năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Ban kiểm soát công ty, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, người quản lý khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- Lưu văn thư.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-BKS ngày ... tháng ... năm 2021)

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Bảo mật tài liệu, số liệu, thông tin đã được cung cấp hoặc thu nhận qua kết quả kiểm tra, kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Luật doanh nghiệp, Pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực nghiệp vụ kiểm soát và có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ về lĩnh vực được phân công. Định kỳ có báo cáo bằng văn bản về tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng ban và chịu trách nhiệm về những đánh giá, kết luận của mình.

6. Các thành viên Ban kiểm soát có quyền được tham gia ý kiến đối với báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng của Công ty; báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông Công ty.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc xác định tính chính xác và trung thực của các dữ liệu và tài liệu liên quan đến các hoạt động của Công ty trong phạm vi công việc được phân công.

8. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

9. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

10. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm

soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm soát theo định kỳ và hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban theo đúng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; triển khai thực hiện công việc kiểm soát định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất.

c) Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

d) Trên cơ sở sự tán thành của các thành viên Ban kiểm soát, đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của Điều

lệ Công ty và Pháp luật. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

e) Chuẩn bị chương trình và triệu tập các cuộc họp của Ban kiểm soát.

f) Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp của công ty.

g) Có các quyền và nghĩa vụ khác của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế này và Pháp luật.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các Quyền và nghĩa vụ được quy định tại: Điều 170 Luật doanh nghiệp; Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Công ty, trong đó có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. **Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.**

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách và không chuyên trách, trong đó Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát lập chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất khi có yêu cầu đề xuất; các thành viên Ban kiểm soát căn cứ theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm thực hiện chương trình kế hoạch đó. Việc phân công chỉ mang tính tương đối, mỗi thành viên Ban kiểm soát không chỉ thực hiện kiểm tra, giám sát lĩnh vực được phân công mà còn thực hiện nhiệm vụ kiểm soát ở các lĩnh vực khác, thuộc chức năng nhiệm vụ chung của Ban kiểm soát.

3. Khi thực thi nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát phải thông báo trước kế hoạch làm việc bằng văn bản gửi Trưởng Ban kiểm soát để Trưởng ban thông báo kế hoạch công tác của Ban cho các cơ quan quản lý, điều hành Công ty được biết để phối hợp thực hiện. Công việc kiểm tra, kiểm soát đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Chương V

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát họp ít nhất 02 lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất của Công ty.

2. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các trường hợp sau đây:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;
- Hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát;
- Giám đốc công ty;
- **Trưởng Ban kiểm soát.**

Cuộc họp bất thường được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của các trường hợp trên.

3. Cuộc họp của Ban kiểm soát được tiến hành khi có ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát tham dự và được thông báo trước 5 ngày cho các thành viên, kèm theo nội dung và chương trình cuộc họp. Cuộc họp của Ban kiểm soát có thể được tiến hành theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản gửi qua E-mail cho các thành viên.

4. Các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban kiểm soát; kết luận, kiến nghị được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp thành viên còn có ý kiến khác thì thành viên đó có quyền bảo lưu ý kiến của mình và có quyền báo cáo tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông Công ty.

5. Trong trường hợp cụ thể; Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện kiểm toán độc lập có thể được mời tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ tại văn thư bảo mật của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương VI

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VII

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Quan hệ với Đại hội đồng cổ đông

Quan hệ với Đại hội đồng cổ đông: Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông thường niên, hoặc báo cáo theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có **mối quan hệ độc lập** với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát kiến nghị và đề xuất với Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các vi phạm về tài chính.

3. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.

4. Thông báo cho Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban giám đốc và cơ quan quản lý

1. Ban kiểm soát **có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty**, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

2. Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng trong công ty cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

3. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Giám đốc công ty sẽ xem xét để đưa ra kết luận và kiến nghị xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Giám đốc công ty.

Điều 23. Mọi quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

1. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có những điều khoản chưa phù hợp với thực tế hoặc khác với những quy định của pháp luật thì các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Ban kiểm soát để nghiên cứu sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

2. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật doanh nghiệp, Pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty. Trường hợp những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu bao gồm 08 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Ghi chú:

- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy chế BKS hiện hành (1)” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy chế BKS đề xuất điều chỉnh (2)” là phần in nghiêng, bôi đậm, màu đỏ.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- Luật Chứng khoán Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP là Nghị định ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Quy chế BKS hiện hành (1)	Quy chế BKS đề xuất điều chỉnh (2)	
<p>- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;</p> <p>- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/09/2018;</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 12/2018/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 15/9/2018 của Đại hội đồng cổ đông bất thường 2018 Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu;</p>	<p><i>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</i></p> <p><i>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</i></p> <p>Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu</p>	<p>Cập nhật căn cứ pháp luật mới</p>

	<p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu số ... ngày... tháng... năm...;</p> <p>Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu.</p>	
<p>Chương I</p> <p>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</p>	<p>CHƯƠNG I</p> <p>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</p>	
<p>Điều 1. Mục đích và phạm vi áp dụng</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p>	
<p>1.1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc, và các mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát.</p> <p>1.2. Mọi hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát đều phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p>	<p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.</p>	
	<p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 điều 1 Thông tư số: 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 2. Tổ chức và nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát</p> <p>2.1. Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông, phù hợp với điều lệ của Công ty và các quy định khác có liên quan của pháp luật.</p> <p>2.2. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và</p>	<p>Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.</p>	<p>Viết theo điều 2 PL 4 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2.3. Ban kiểm soát gồm có các thành viên ban kiểm soát. Số lượng, điều kiện, tiêu chuẩn, việc bổ nhiệm và nhiệm kỳ của thành viên ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát.</p> <p>2.4. Ban kiểm soát họp định kỳ và họp bất thường theo quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế này.</p> <p>2.5. Các thành viên ban kiểm soát được phân công phụ trách theo mảng công việc, chịu trách nhiệm về mảng công việc và kết quả thực hiện công việc của mình.</p>		
	<p>CHƯƠNG II</p> <p>THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)</p>	
<p>Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát</p>	
<p>5.4. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này một cách trung thực, khách quan, thận trọng vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.</p>	
<p>5.6. Bảo mật tài liệu, số liệu, thông tin đã được cung cấp hoặc thu nhận qua kết quả kiểm tra, kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.</p>	<p>3. Bảo mật tài liệu, số liệu, thông tin đã được cung cấp hoặc thu nhận qua kết quả kiểm tra, kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, <i>bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</i></p>	<p>Bổ sung theo khoản 3 điều 3 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

<p>5.1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Luật doanh nghiệp, Pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.</p> <p>5.2. Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực nghiệp vụ kiểm soát và có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ về lĩnh vực được phân công. Định kỳ có báo cáo bằng văn bản về tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng ban và chịu trách nhiệm về những đánh giá, kết luận của mình.</p> <p>5.3. Các thành viên Ban kiểm soát có quyền được tham gia ý kiến đối với báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng của Công ty; báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông Công ty.</p> <p>5.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc xác định tính chính xác và trung thực của các dữ liệu và tài liệu liên quan đến các hoạt động của Công ty trong phạm vi công việc được phân công.</p> <p><u>5.7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>4. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Luật doanh nghiệp, Pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.</p> <p>5. Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực nghiệp vụ kiểm soát và có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ về lĩnh vực được phân công. Định kỳ có báo cáo bằng văn bản về tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng ban và chịu trách nhiệm về những đánh giá, kết luận của mình.</p> <p>6. Các thành viên Ban kiểm soát có quyền được tham gia ý kiến đối với báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng của Công ty; báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông Công ty.</p> <p>7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc xác định tính chính xác và trung thực của các dữ liệu và tài liệu liên quan đến các hoạt động của Công ty trong phạm vi công việc được phân công.</p>	<p>Bổ do trùng với khoản 4 điều 6 cột (2)</p>
	<p><i>8. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>9. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.</i></p> <p><i>10. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì</i></p>	<p>Bổ sung theo điều 3 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

	<i>phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</i>	
Không có	<p>Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát</p> <p><i>1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i></p> <p><i>2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</i></p> <p><i>3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</i></p> <p><i>4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</i></p>	Bổ sung theo điều 4 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Không có	<p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</p> <p><i>1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</i></p> <p><i>a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</i></p> <p><i>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của</i></p>	Bổ sung theo điều 5 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC

	<p><i>Công ty;</i></p> <p><i>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;</i></p> <p><i>d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</i></p> <p><i>e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</i></p> <p><i>f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;</i></p> <p><i>2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.</i></p>	
<p>Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>4.1. Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm soát theo định kỳ và hàng năm trình Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p><i>1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</i></p> <p><i>2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.</i></p> <p>3. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm soát</p>	<p>Bổ sung theo điều 6 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

<p>đồng biểu quyết thông qua.</p> <p>4.2. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban theo đúng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; triển khai thực hiện công việc kiểm soát định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất.</p> <p>4.3. Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4.4. Trên cơ sở sự tán thành của các thành viên Ban kiểm soát, đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.</p> <p>4.5. Chuẩn bị chương trình và triệu tập các cuộc họp của Ban kiểm soát.</p> <p>4.6. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp của công ty.</p> <p>4.7. Có các quyền và nghĩa vụ khác của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế này và Pháp luật.</p>	<p>theo định kỳ và hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.</p> <p>b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban theo đúng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; triển khai thực hiện công việc kiểm soát định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất.</p> <p>c) Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d) Trên cơ sở sự tán thành của các thành viên Ban kiểm soát, đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.</p> <p>e) Chuẩn bị chương trình và triệu tập các cuộc họp của Ban kiểm soát.</p> <p>f) Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp của công ty.</p> <p>g) Có các quyền và nghĩa vụ khác của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế này và Pháp luật.</p>	
<p style="text-align: center;"><u>Không có</u></p>	<p style="text-align: center;"><i>Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát</i></p> <p style="text-align: center;"><i>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:</i></p> <p style="text-align: center;"><i>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm</i></p>	<p>Bổ sung theo điều 7 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Không có</p>	<p>Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu</p>	<p>Bổ sung theo điều 8 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

	<p><i>tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.</i></p>	
<p><i>Không có</i></p>	<p><i>Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</i></p> <p><i>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;</i> <i>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</i> <i>c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</i> <p><i>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</i> <i>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</i> <i>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh</i> 	<p>Bổ sung theo điều 9 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

	<p><i>nghiệp và Điều lệ công ty;</i></p> <p><i>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	
	<p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p><i>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</i> <i>b) Trình độ chuyên môn;</i> <i>c) Quá trình công tác;</i> <i>d) Các chức danh quản lý khác;</i> <i>đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</i> <i>e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;</i> <i>g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).</i> <p>2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm</p>	<p>Bổ sung theo điều 10 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

	<i>thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.</i>	
Chương II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT	Chương III. BAN KIỂM SOÁT	
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát Ban kiểm soát có các Quyền và nghĩa vụ được quy định tại: Điều 165 Luật doanh nghiệp năm 2014; Điều 22 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Điều lệ Công ty, trong đó có các quyền và nghĩa vụ sau:	Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát Ban kiểm soát có các Quyền và nghĩa vụ được quy định tại: Điều 170 Luật doanh nghiệp; Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Công ty, trong đó có các quyền và nghĩa vụ sau:	
3.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.	1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.	
3.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.	2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.	
3.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, 06 tháng và quý (nếu thấy cần) của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.	3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. <i>Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</i>	
3.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quy chế, quy định quản	4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và	

trị nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.	cảnh báo sớm của Công ty.	
3.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.	5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp .	Cập nhật lại luật
3.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.	6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp , Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.	Cập nhật lại luật
3.7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.	7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.	
3.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	Cập nhật lại luật
3.9. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê	17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê	

<p>chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;</p>	<p>duyet danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.</p>	
<p>3.10. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p>	<p>18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p>	
<p>3.11. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</p>	<p>9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</p>	
<p>3.12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.</p> <p>13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ sung theo điều 11 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.</p> <p>20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.</p> <p>21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>23. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 9. Quyền được cung cấp thông tin</p>	<p>Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</p>	
<p>9.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào</p>	<p>1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:</p> <p>a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;</p> <p>b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội</p>	<p>Viết theo điều 12 PL 4 TT 116/2020/TT-BTC</p>

<p>cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc.</p> <p>9.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9.3. Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát xử lý mọi thông tin, tài liệu có được theo đúng thẩm quyền và có trách nhiệm bảo mật thông tin tài liệu theo quy định của Pháp luật</p>	<p>đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p><i>c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.</i></p> <p>2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp <i>đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh</i> của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.</p>	
<p>Không có</p>	<p>Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;</i></p> <p><i>c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.</i></p> <p><i>2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</i></p> <p><i>3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.</i></p>	<p>Bổ sung theo điều 13 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

<p style="text-align: center;">Chương III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT</p>	<p style="text-align: center;">Chương IV. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT</p>	
<p style="text-align: center;">Điều 6. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát</p> <p>6.1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách và không chuyên trách, trong đó Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty, các thành viên khác không chuyên trách.</p>	<p style="text-align: center;">Điều 14. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách và không chuyên trách, trong đó Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty, các thành viên khác không chuyên trách.</p>	
<p>6.2. Trưởng Ban kiểm soát lập chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất khi có yêu cầu đề suất; các thành viên Ban kiểm soát căn cứ theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm thực hiện chương trình kế hoạch đó. Việc phân công chỉ mang tính tương đối, mỗi thành viên Ban kiểm soát không chỉ thực hiện kiểm tra, giám sát lĩnh vực được phân công mà còn thực hiện nhiệm vụ kiểm soát ở các lĩnh vực khác, thuộc chức năng nhiệm vụ chung của Ban kiểm soát.</p> <p>6.3. Khi thực thi nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát phải thông báo trước kế hoạch làm việc bằng văn bản gửi Trưởng Ban kiểm soát để Trưởng ban thông báo kế hoạch công tác của Ban cho các cơ quan quản lý, điều hành Công ty được biết để phối hợp thực hiện. Công việc kiểm tra, kiểm soát đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.</p>	<p>2. Trưởng Ban kiểm soát lập chương trình, kế hoạch công tác kiểm soát định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất khi có yêu cầu đề suất; các thành viên Ban kiểm soát căn cứ theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm thực hiện chương trình kế hoạch đó. Việc phân công chỉ mang tính tương đối, mỗi thành viên Ban kiểm soát không chỉ thực hiện kiểm tra, giám sát lĩnh vực được phân công mà còn thực hiện nhiệm vụ kiểm soát ở các lĩnh vực khác, thuộc chức năng nhiệm vụ chung của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Khi thực thi nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát phải thông báo trước kế hoạch làm việc bằng văn bản gửi Trưởng Ban kiểm soát để Trưởng ban thông báo kế hoạch công tác của Ban cho các cơ quan quản lý, điều hành Công ty được biết để phối hợp thực hiện. Công việc kiểm tra, kiểm soát đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.</p>	
	<p>Chương V. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT</p>	
<p style="text-align: center;">Điều 7. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>7.1. Ban kiểm soát họp ít nhất 02 lần trong một năm</p>	<p style="text-align: center;">Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát họp ít nhất 02 lần trong một năm và có</p>	

và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất của Công ty.

7.2. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các trường hợp sau đây:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị
- Hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát
- Giám đốc công ty.

Cuộc họp bất thường được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của các trường hợp trên.

7.3. Cuộc họp của Ban kiểm soát được tiến hành khi có ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát tham dự và được thông báo trước 5 ngày cho các thành viên, kèm theo nội dung và chương trình cuộc họp. Cuộc họp của Ban kiểm soát có thể được tiến hành theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản gửi qua E-mail cho các thành viên.

7.4. Các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban kiểm soát; kết luận, kiến nghị được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp thành viên còn có ý kiến khác thì thành viên đó có quyền bảo lưu ý kiến của mình và có quyền báo cáo tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông Công ty.

7.6. Trong trường hợp cụ thể; Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện kiểm toán độc lập có thể được mời tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất của Công ty.

2. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các trường hợp sau đây:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;
- Hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát;
- Giám đốc công ty;
- **Trưởng Ban kiểm soát.**

Cuộc họp bất thường được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của các trường hợp trên.

3. Cuộc họp của Ban kiểm soát được tiến hành khi có ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát tham dự và được thông báo trước 5 ngày cho các thành viên, kèm theo nội dung và chương trình cuộc họp. Cuộc họp của Ban kiểm soát có thể được tiến hành theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản gửi qua E-mail cho các thành viên.

4. Các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban kiểm soát; kết luận, kiến nghị được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp thành viên còn có ý kiến khác thì thành viên đó có quyền bảo lưu ý kiến của mình và có quyền báo cáo tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông Công ty.

5. Trong trường hợp cụ thể; Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện kiểm toán độc lập có thể được mời tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

<p>7.5. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ tại văn thư bảo mật của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát</p> <p>Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ tại văn thư bảo mật của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	
<p>Không có</p>	<p>Chương VI. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH</p>	
	<p><i>Điều 17. Trình báo cáo hàng năm</i></p> <p><i>Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <i>1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</i> <i>2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.</i> <i>3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.</i> <i>4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.</i> <i>5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phân trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là</i> 	<p>Bổ sung theo điều 16 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

	<p><i>người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</i></p> <p><i>6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.</i></p> <p><i>7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.</i></p> <p><i>8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.</i></p>	
<p>Điều 8. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>8.1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát và được ghi trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ của Công ty.</p> <p>8.2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p> <p>8.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong Báo cáo</p>	<p>Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. <i>Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</i></p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bổ sung theo điều 17 PL 4 TT 116/2020/TT-BTC</p>

tài chính hằng năm của Công ty.		
	<p style="text-align: center;">Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</p> <p>2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo</p>	Bổ sung theo điều 18 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC

	<p><i>quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</i></p> <p>5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
Điều 10. Các mối quan hệ công việc	<p>Chương VII</p> <p>MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT</p>	
<p>10.1 Quan hệ với Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>- Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông thường niên, hoặc báo cáo theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông bất thường.</p>	<p>Điều 20. Quan hệ với Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Quan hệ với Đại hội đồng cổ đông: Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông thường niên, hoặc báo cáo theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông bất thường.</p>	
<p>10.2. Quan hệ với Hội đồng quản trị:</p> <p>- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p> <p>- Ban kiểm soát kiến nghị và đề xuất với Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các vi phạm về tài chính.</p> <p>- Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.</p> <p>- Thông báo cho Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị</p> <p>1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Ban kiểm soát kiến nghị và đề xuất với Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các vi phạm về tài chính.</p> <p>3. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thông báo cho Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	

<p>10.3. Quan hệ với Ban giám đốc và cơ quan quản lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban kiểm soát thực hiện giám sát Ban Giám đốc và cơ quan quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty. - Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng trong công ty cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban kiểm soát. - Khi nhận được kết quả kiểm tra, Giám đốc công ty sẽ xem xét để đưa ra kết luận và kiến nghị xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Giám đốc công ty. 	<p>Điều 22. Môi quan hệ với Ban giám đốc và cơ quan quản lý</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ban kiểm soát <i>có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị</i> thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành. 2. Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng trong công ty cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban kiểm soát. 3. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Giám đốc công ty sẽ xem xét để đưa ra kết luận và kiến nghị xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Giám đốc công ty. 	
	<p>Điều 23. Môi quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát</p> <p><i>Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.</i></p>	<p>Bổ sung theo điều 19 phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>
<p style="text-align: center;">Chương IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	<p style="text-align: center;">Chương VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	
<p>Điều 11. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế</p> <p>11.1. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có những điều khoản chưa phù hợp với thực tế hoặc khác với những quy định của pháp luật thì các tổ chức, cá nhân có liên</p>	<p>Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có những điều khoản chưa phù hợp với thực tế hoặc khác với những quy định của pháp luật thì các tổ chức, cá nhân có liên quan phản 	

<p>quan phản ánh kịp thời về Ban kiểm soát để nghiên cứu sửa đổi bổ sung cho phù hợp.</p> <p>11.2. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật doanh nghiệp, Pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty. Trường hợp những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng.</p>	<p>ánh kịp thời về Ban kiểm soát để nghiên cứu sửa đổi bổ sung cho phù hợp.</p> <p>2. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật doanh nghiệp, Pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty. Trường hợp những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng.</p>	
<p>Điều 12. Hiệu lực thi hành</p> <p>12.1. Quy chế này có 4 chương và 12 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày ký.</p> <p>12.2. Thành viên Ban kiểm soát và các bộ phận, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.</p>	<p>Điều 25. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu bao gồm 08 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...</p>	